

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số: 56 /QĐ-MCC

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Trường trung cấp nghề Cơ khí xây dựng**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC;

Căn cứ Quyết định số 2318/QĐ-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-BLĐTBXH ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 2);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trường trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (chi tiết Phụ lục kèm theo).

- Hình thức công khai: Công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà) Phó Hiệu trưởng, Trưởng (phó) các đơn vị trực thuộc Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT, TC-KT

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Tụ

Tên đơn vị: Trường trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 56/QĐ-MCC ngày 31/3/2025 của Hiệu trưởng Trường trung cấp nghề Cơ khí xây dựng)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi nộp NS phí, lệ phí	
I	Số thu học phí, lệ phí	-
1	Lệ phí	-
2	Học phí	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
1	Chi sự nghiệp đào tạo dạy nghề	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
III	Số thu phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24,100,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	24,100,000
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	24,100,000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (KP không tự chủ)	24,100,000
	Kinh phí hoạt động bộ máy	6,679,000
	KP miễn, giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	17,172,000
	KP thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ73/2024/NĐ-CP	249,000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
	KP cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất	-
4	Chi sự nghiệp dân y tế dân số và gia đình	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán được giao
5	Chi đảm bảo xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	



Đan